

Số: 64/2026/QĐST-HNGĐ

Đồng Nai, ngày 09 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA
THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 5, 8, 9, 55, 57, 81, 82, 83, 84 và 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 117/2026/TLST-HNGĐ ngày 28/01/2026, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986. Căn cước công dân số 026086013082.

Địa chỉ đăng ký thường trú và cư trú hiện nay: Tổ D, ấp B, xã A, tỉnh Đồng Nai.

2. Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1995. Căn cước công dân số 096195005192.

Địa chỉ đăng ký thường trú: Ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Tổ D, ấp B, xã A, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Ngọc H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2022, trên cơ sở cả hai tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã A, tỉnh Đồng Nai). Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không còn hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không còn tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau. Mặc dù cả hai đã nhiều lần hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng cho đến nay mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được mà ngày càng trở nên trầm trọng. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng cả anh T và chị H vẫn không thể tìm được tiếng nói chung và xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để trả tự do cho nhau.

Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Ngọc H.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng, anh T và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Phúc K, sinh ngày 09/8/2024.

Ly hôn anh T và chị H thống nhất thỏa thuận: Chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K. Anh T1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000 (*hai triệu*) đồng/tháng, kể từ ngày Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Nguyễn Ngọc H cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, hàng tháng anh Nguyễn Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi)

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T1 và chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên được xác định là không có.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh T1 và chị H tự nguyện nộp mỗi người 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng.

[5] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 30 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 và chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1995 thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phúc K, sinh ngày 09/8/2024 cho chị Nguyễn Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng/tháng, kể từ ngày Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Nguyễn Ngọc H cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, hàng tháng anh Nguyễn Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi).

1.3. Về tài sản chung: Không có.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Ngọc H tự nguyện nộp mỗi người 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng lệ phí việc dân sự sơ thẩm, được căn trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng lệ phí anh T, chị H đã nộp tại các biên lai thu số 0001904 và số 0001906 ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Anh T1 và chị H đã nộp đủ lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 3 – Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã An Viễn (*nơi ĐKKH*);
- Lưu hồ sơ việc dân sự

THẨM PHÁN

Bùi Thế Mạnh